

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 297/2022/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh N, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu C Tập thể T, Tổ dân phố D, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu C Tập thể T, Tổ dân phố D, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Mạnh N và bà Bùi Thị V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung vợ chồng: Ông Nguyễn Mạnh N và bà Bùi Thị V thống nhất xác định vợ chồng ông, bà có 03 con chung là chị Nguyễn Thị Lê Phương, sinh ngày 26/4/1986; chị Nguyễn Thị Lê N, sinh ngày 20/11/1990 và chị Nguyễn Thị Lê N, sinh ngày 06/7/1992. Chị Phương, chị N và chị N đã thành niên đủ 18 tuổi, sức khỏe phát triển hoàn toàn bình thường. Vì vậy, ông N và bà V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Ông N và bà V thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 đồng. Ông N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073390 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay trả lại cho ông N 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã X, K, Hà Nội; (Số ĐKKH 16 ngày 20/9/1985);
- THADS huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Vp

THẨM PHÁN

Đoàn Thành Nam